

Biểu mẫu 20*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ GD&ĐT)***BỘ NGOẠI GIAO
HỌC VIỆN NGOẠI GIAO****THÔNG BÁO****Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, năm học 2021-2022****A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu**

STT	Lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã ngành	GS.TS	PGS.TS	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Tổng
1	Kinh doanh và quản lý						
1.1	Kinh doanh quốc tế	7340120			6	12	18
2	Pháp luật						
2.1	Luật quốc tế	7380108		4	4	10	18
2.2	Luật thương mại quốc tế	7380109		1	8	9	18
3	Nhân văn						
3.1	Ngôn ngữ Anh	7220201		1	7	16	24
4	Khoa học xã hội và hành vi						
4.1	Quan hệ quốc tế	7310206	2	5	6	28	41
4.2	Kinh tế quốc tế	7310106		3	4	14	21
4.3	Châu Á - Thái Bình Dương học	7310631	1	2	7	13	23
5	Báo chí và thông tin						
5.1	Truyền thông quốc tế	7320407		4	10	24	38

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
I	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý					
1.	Lê Trung Kiên	1983	Nam		Tiến sĩ	Kinh doanh quốc tế
2.	Lâm Thanh Hà	1978	Nữ		Tiến sĩ	Kinh doanh quốc tế
3.	Nguyễn Thị Xuân Thu	1985	Nữ		Tiến sĩ	Kinh doanh quốc tế
4.	Nguyễn Vinh Thành	1991	Nam		Tiến sĩ	Kinh doanh quốc tế
5.	Ngô Duy Ngộ	1954	Nam		Tiến sĩ	Kinh doanh quốc tế
6.	Nguyễn Hùng Sơn	1974	Nam		Tiến sĩ	Kinh doanh quốc tế
7.	Trịnh Ngọc Hoài Anh	1994	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
8.	Ngô Thị Thu Hương	1972	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
9.	Nguyễn Thùy Anh	1991	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
10.	Lại Anh Tú	1985	Nam		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
11.	Vũ Thị Thanh Tú	1984	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
12.	Nguyễn Thùy Dương	1985	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
13.	Nguyễn Đình Sách	1988	Nam		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
14.	Nguyễn Tiến Thịnh	1983	Nam		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
15.	Trương Thị Thu Hằng	1986	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
16.	Nguyễn Thị Thanh Hương	1973	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
17.	Tào Thị Thanh Hương	1966	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế

18.	Trịnh Minh Phương	1984	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
II Lĩnh vực Pháp luật						
1.	Nguyễn Hồng Thao	1957	Nam	PGS	Tiến sĩ	Luật quốc tế
2.	Hà Anh Tuấn	1979	Nam	PGS	Tiến sĩ	Luật quốc tế
3.	Nguyễn Nam Dương	1978	Nam	PGS	Tiến sĩ	Luật quốc tế
4.	Hoàng Anh Tuấn	1965	Nam	PGS	Tiến sĩ	Luật quốc tế
5.	Nguyễn Thùy Minh	1980	Nữ		Tiến sĩ	Luật quốc tế
6.	Trần Trường Thủy	1978	Nam		Tiến sĩ	Luật quốc tế
7.	Phạm Lan Dung	1968	Nữ		Tiến sĩ	Luật quốc tế
8.	Bùi Hải Thiêm	1980	Nam		Tiến sĩ	Luật quốc tế
9.	Bùi Hương Giang	1992	Nữ		Thạc sĩ	Luật quốc tế
10.	Lê Thị Thu Hằng	1982	Nữ		Thạc sĩ	Luật quốc tế
11.	Nguyễn Hải Duyên	1994	Nữ		Thạc sĩ	Luật quốc tế
12.	Quách Thị Huyền	1988	Nữ		Thạc sĩ	Luật quốc tế
13.	Nguyễn Quốc Cường	1959	Nam		Thạc sĩ	Luật quốc tế
14.	Ngô Minh Hằng	1991	Nữ		Thạc sĩ	Luật quốc tế
15.	Hoàng Thị Phương Mai	1984	Nữ		Thạc sĩ	Luật quốc tế
16.	Võ Ngọc Diệp	1991	Nữ		Thạc sĩ	Luật quốc tế
17.	Trần Hữu Duy Minh	1988	Nam		Thạc sĩ	Luật quốc tế
18.	Hoàng Thị Ngọc Anh	1993	Nữ		Thạc sĩ	Luật quốc tế
19.	Nguyễn Thị Lan Anh	1976	Nữ	PGS	Tiến sĩ	Luật Thương mại Quốc tế
20.	Lại Thái Bình	1976	Nam		Tiến sĩ	Luật Thương mại Quốc tế
21.	Tô Anh Tuấn	1977	Nam		Tiến sĩ	Luật Thương mại Quốc tế
22.	Nguyễn Hoàng Như Thanh	1985	Nam		Tiến sĩ	Luật Thương mại Quốc tế
23.	Nguyễn Thị Minh Phương	1986	Nữ		Tiến sĩ	Luật Thương mại Quốc tế
24.	Nguyễn Thị Hoàng Anh	1960	Nữ		Tiến sĩ	Luật Thương mại Quốc tế
25.	Trịnh Hải Yến	1978	Nữ		Tiến sĩ	Luật Thương mại Quốc tế
26.	Lý Vân Anh	1977	Nữ		Tiến sĩ	Luật Thương mại Quốc tế
27.	Ngô Đức Mạnh	1960	Nam		Tiến sĩ	Luật Thương mại Quốc tế
28.	Nguyễn Đức Chính	1990	Nam		Thạc sĩ	Luật Thương mại Quốc tế
29.	Phạm Thanh Tùng	1993	Nam		Thạc sĩ	Luật Thương mại Quốc tế
30.	Nguyễn Thị Phụng	1975	Nữ		Thạc sĩ	Luật Thương mại Quốc tế
31.	Ngô Thị Trang	1990	Nữ		Thạc sĩ	Luật Thương mại Quốc tế
32.	Nguyễn Thị Lan Hương	1985	Nữ		Thạc sĩ	Luật Thương mại Quốc tế
33.	Nguyễn Trung Vũ	1995	Nam		Thạc sĩ	Luật Thương mại Quốc tế
34.	Trương Thị Hằng	1979	Nữ		Thạc sĩ	Luật Thương mại Quốc tế
35.	Vũ Quang Tiệp	1989	Nam		Thạc sĩ	Luật Thương mại Quốc tế
36.	Hồ Thị Hồng Hạnh	1977	Nữ		Thạc sĩ	Luật Thương mại Quốc tế
III Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi						
1.	Nguyễn Thái Yên Hương	1962	Nữ	GS	Tiến sĩ	Châu Á - Thái Bình Dương học
2.	Đặng Cẩm Tú	1976	Nữ	PGS	Tiến sĩ	Châu Á - Thái Bình Dương học
3.	Đỗ Thị Thủy	1980	Nữ	PGS	Tiến sĩ	Châu Á - Thái Bình Dương học
4.	Phan Vũ Tuấn Anh	1980	Nam		Tiến sĩ	Châu Á - Thái Bình Dương học
5.	Trần Thị Thanh Liên	1971	Nữ		Tiến sĩ	Châu Á - Thái Bình Dương học

6.	Quách Quang Hồng	1965	Nam		Tiến sĩ	Châu Á - Thái Bình Dương học
7.	Hoàng Tùng Lan	1983	Nữ		Tiến sĩ	Châu Á - Thái Bình Dương học
8.	Đinh Thị Hiền Lương	1977	Nữ		Tiến sĩ	Châu Á - Thái Bình Dương học
9.	Nguyễn Thọ Đức	1978	Nam		Tiến sĩ	Châu Á - Thái Bình Dương học
10.	Lê Tuấn Thanh	1974	Nam		Tiến sĩ	Châu Á - Thái Bình Dương học
11.	Lê Đức Anh	1991	Nam		Thạc sĩ	Châu Á - Thái Bình Dương học
12.	Nguyễn Tâm Quang	1973	Nam		Thạc sĩ	Châu Á - Thái Bình Dương học
13.	Nguyễn Thùy Linh	1981	Nữ		Thạc sĩ	Châu Á - Thái Bình Dương học
14.	Vũ Phương Anh	1996	Nữ		Thạc sĩ	Châu Á - Thái Bình Dương học
15.	Đỗ Tư Hiền	1978	Nữ		Thạc sĩ	Châu Á - Thái Bình Dương học
16.	Nguyễn Thị Thanh Hải	1983	Nữ		Thạc sĩ	Châu Á - Thái Bình Dương học
17.	Chu Quỳnh Chi	1974	Nữ		Thạc sĩ	Châu Á - Thái Bình Dương học
18.	Hoàng Thị Lan	1991	Nữ		Thạc sĩ	Châu Á - Thái Bình Dương học
19.	Đỗ Thị Thu Phượng	1985	Nữ		Thạc sĩ	Châu Á - Thái Bình Dương học
20.	Lê Anh Thư	1996	Nữ		Thạc sĩ	Châu Á - Thái Bình Dương học
21.	Phan Thị Hoài Trang	1990	Nữ		Thạc sĩ	Châu Á - Thái Bình Dương học
22.	Hoàng Mai Hương	1983	Nữ		Thạc sĩ	Châu Á - Thái Bình Dương học
23.	Phạm Hoa Mai	1983	Nữ		Thạc sĩ	Châu Á - Thái Bình Dương học
24.	Nguyễn Văn Lịch	1959	Nam	PGS	Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế
25.	Nguyễn Anh Tuấn	1962	Nam	PGS	Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế
26.	Đặng Hoàng Linh	1979	Nam	PGS	Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế
27.	Nguyễn Minh Trang	1988	Nữ		Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế
28.	Đỗ Thị Thanh Bình	1980	Nữ		Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế
29.	Tô Minh Thu	1976	Nữ		Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế
30.	Phạm Duy Thực	1982	Nam		Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế
31.	Đoàn Xuân Hưng	1957	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế
32.	Nguyễn Ngọc Hà	1997	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế
33.	Ngô Thị Thanh Hảo	1992	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế
34.	Nguyễn Thị Minh Hiền	1990	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế
35.	Nguyễn Tiến Cường	1983	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế
36.	Nguyễn Tiên Phong	1979	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế
37.	Nguyễn Thị Thanh Tâm	1989	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế
38.	Nguyễn Thị Toan	1988	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế
39.	Hàn Lam Giang	1991	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế
40.	Nguyễn Thị Thanh Lam	1994	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế
41.	Nguyễn Thúy Hằng	1985	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế
42.	Nguyễn Thị Thu Hoàn	1987	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế
43.	Trần Thị Vân Hải	1974	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế
44.	Phạm Thị Mai Anh	1982	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế
45.	Nguyễn Vũ Tùng	1963	Nam	GS	Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế
46.	Vũ Dương Huân	1949	Nam	GS	Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế
47.	Nguyễn Phương Bình	1954	Nữ	PGS	Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế
48.	Đỗ Sơn Hải	1963	Nam	PGS	Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế
49.	Nguyễn Thị Hạnh	1973	Nữ	PGS	Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế

50.	Lê Đình Tĩnh	1976	Nam	PGS	Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế
51.	Trần Việt Thái	1974	Nam	PGS	Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế
52.	Nguyễn Phú Tân Hương	1979	Nữ		Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế
53.	Hoàng Thị Tuấn Oanh	1984	Nữ		Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế
54.	Lê Thị Ngọc Hân	1983	Nữ		Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế
55.	Nguyễn Thị Thúy Hằng	1982	Nữ		Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế
56.	Chu Minh Thảo	1981	Nữ		Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế
57.	Nguyễn Tuấn Việt	1978	Nam		Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế
58.	Phạm Hoàng Sơn	2003	Nam		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế
59.	Phạm Quang Vinh	1958	Nam		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế
60.	Lê Ngọc Tân	1981	Nam		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế
61.	Nguyễn Văn Thơ	1953	Nam		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế
62.	Đinh Nguyên Đức	1985	Nam		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế
63.	Nguyễn Lê Ngọc Anh	1988	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế
64.	Đinh Thị Thu	1985	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế
65.	Nguyễn Việt Sơn	1992	Nam		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế
66.	Trần Thị Thùy Dương	1985	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế
67.	Nguyễn Thị Linh	1995	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế
68.	Bùi Thùy Linh	1976	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế
69.	Trần Thanh Hương	1967	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế
70.	Nguyễn Nữ Hoàng Quý	1993	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế
71.	Vũ Vân Thu	1988	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế
72.	Trần Quang Châu	1983	Nam		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế
73.	Nguyễn Văn Bình	1981	Nam		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế
74.	Nguyễn Thị Ngân Giang	1995	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế
75.	Chu Công Huy	1985	Nam		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế
76.	Nguyễn Cẩm Thảo	1980	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế
77.	Lê Ý Xuân	1983	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế
78.	Đỗ Mạnh Hoàng	1991	Nam		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế
79.	Trần Thị Khánh Trà	1986	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế
80.	Nguyễn Tuấn Anh	1979	Nam		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế
81.	Nguyễn Thế Hồng Lực	1962	Nam		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế
82.	Đỗ Đức Thành	1965	Nam		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế
83.	Vũ Đoàn Kết	1974	Nam		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế
84.	Nguyễn Phương Ly	1987	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế
85.	Đỗ Mai Lan	1986	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế
IV Lĩnh vực Nhân văn						
1.	Kiều Thị Thu Hương	1960	Nữ	PGS	Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh
2.	Tôn Thị Ngọc Hương	1975	Nữ		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh
3.	Mai Thị Hồng Tâm	1978	Nữ		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh
4.	Khổng Thị Bình	1975	Nam		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh
5.	Nguyễn Thị Hà Lily	1982	Nữ		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh
6.	Tôn Sinh Thành	1959	Nam		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh
7.	Nguyễn Thị Cát Ngọc	1976	Nữ		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh

8.	Lê Thanh Mai	1977	Nữ		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh
9.	Hoàng Văn Hanh	1968	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
10.	Đặng Trung Dũng	1983	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
11.	Nguyễn Huy Dũng	1969	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
12.	Trần Minh Nguyệt	1984	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
13.	Vũ Thanh Huyền	1983	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
14.	Ngô Diễm Hằng	1983	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
15.	Lê Văn Khánh	1977	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
16.	Phạm Thị Quyên	1983	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
17.	Nguyễn Thị Thanh Hằng	1983	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
18.	Nguyễn Thái Học	1966	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
19.	Đặng Quốc Chí	1973	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
20.	Nguyễn Thị Hải Yến	1968	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
21.	Nguyễn Thị Thìn	1976	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
22.	Đỗ Hải Hà	1986	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
23.	Chu Kim Dung	1976	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
24.	Nguyễn Minh Thu	1979	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh

V Lĩnh vực Báo chí và thông tin

1.	Dương Văn Quảng	1952	Nam	PGS	Tiến sĩ	Truyền thông quốc tế
2.	Lê Thanh Bình	1955	Nam	PGS	Tiến sĩ	Truyền thông quốc tế
3.	Đặng Đình Quý	1961	Nam	PGS	Tiến sĩ	Truyền thông quốc tế
4.	Phạm Thái Việt	1963	Nam	PGS	Tiến sĩ	Truyền thông quốc tế
5.	Luận Thùy Dương	1963	Nữ		Tiến sĩ	Truyền thông quốc tế
6.	Bạch Thanh Bình	1968	Nữ		Tiến sĩ	Truyền thông quốc tế
7.	Doãn Mai Linh	1964	Nữ		Tiến sĩ	Truyền thông quốc tế
8.	Lý Thị Hải Yến	1975	Nữ		Tiến sĩ	Truyền thông quốc tế
9.	Đỗ Huyền Trang	1983	Nữ		Tiến sĩ	Truyền thông quốc tế
10.	Trần Thị Hương	1983	Nữ		Tiến sĩ	Truyền thông quốc tế
11.	Đỗ Thanh Hải	1980	Nam		Tiến sĩ	Truyền thông quốc tế
12.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	1980	Nữ		Tiến sĩ	Truyền thông quốc tế
13.	Nguyễn Thị Hồng Nam	1967	Nữ		Tiến sĩ	Truyền thông quốc tế
14.	Vũ Tuấn Anh	1981	Nam		Tiến sĩ	Truyền thông quốc tế
15.	Phạm Quang Vinh	1997	Nam		Thạc sĩ	Truyền thông quốc tế
16.	Trần Ngọc Ninh	1982	Nữ		Thạc sĩ	Truyền thông quốc tế
17.	Nguyễn Tuyết Thanh	1980	Nữ		Thạc sĩ	Truyền thông quốc tế
18.	Ngô Tùng Lâm	1994	Nam		Thạc sĩ	Truyền thông quốc tế
19.	Triệu Nguyễn Huyền Trang	1995	Nữ		Thạc sĩ	Truyền thông quốc tế
20.	Nguyễn Đỗ Ngân Giang	1984	Nữ		Thạc sĩ	Truyền thông quốc tế
21.	Vương Thị Thanh Thủy	1982	Nữ		Thạc sĩ	Truyền thông quốc tế
22.	Nguyễn Hải Yến	1969	Nữ		Thạc sĩ	Truyền thông quốc tế
23.	Trần Thị Linh Đa	1990	Nữ		Thạc sĩ	Truyền thông quốc tế
24.	Lê Như Mai	1995	Nữ		Thạc sĩ	Truyền thông quốc tế
25.	Lê Quang Hưng	1987	Nam		Thạc sĩ	Truyền thông quốc tế
26.	Nguyễn Hồng Ngự	1975	Nữ		Thạc sĩ	Truyền thông quốc tế

27.	Nguyễn Minh Phương	1988	Nữ		Thạc sĩ	Truyền thông quốc tế
28.	Đoàn Thị Phương Dung	1964	Nữ		Thạc sĩ	Truyền thông quốc tế
29.	Phạm Hải Liên	1982	Nữ		Thạc sĩ	Truyền thông quốc tế
30.	Nguyễn Huyền Trang	1996	Nữ		Thạc sĩ	Truyền thông quốc tế
31.	Nguyễn Lương Diệu An	1993	Nữ		Thạc sĩ	Truyền thông quốc tế
32.	Nguyễn Tuấn Hiệp	1987	Nam		Thạc sĩ	Truyền thông quốc tế
33.	Trần Thu Thủy	1996	Nữ		Thạc sĩ	Truyền thông quốc tế
34.	Phạm Quốc Toàn	1989	Nam		Thạc sĩ	Truyền thông quốc tế
35.	Nguyễn Đồng Anh	1986	Nam		Thạc sĩ	Truyền thông quốc tế
36.	Phan Thanh Thủy	1970	Nữ		Thạc sĩ	Truyền thông quốc tế
37.	Nguyễn Thùy Dương	1993	Nữ		Thạc sĩ	Truyền thông quốc tế
38.	Trần Bảo Châu	1997	Nữ		Thạc sĩ	Truyền thông quốc tế

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

STT	Lĩnh vực	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Kinh doanh và quản lý	4.5
2	Pháp luật	7.9
3	Nhân văn	14.3
4	Khoa học xã hội và hành vi	10.5
5	Báo chí và thông tin	13

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2022

Q. GIÁM ĐỐC



TS. Phạm Lan Dung